

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 9 – 2019

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Linh.

2/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa:
Ông Lý Út Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Văn H, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh S.

Bị đơn: Chị Võ Thị Đ, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện Đ, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Lương Văn H trình bày:

Anh Lương Văn H với chị Võ Thị Đ kết hôn với nhau năm 1997. Đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn (đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 13 tháng 9 năm 2011). Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung với cha mẹ đẻ của anh H. Thời gian đầu hai người sống hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2017, thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H phải đi làm ăn xa, hai vợ chồng ít có thời gian bên nhau, anh H không kiểm soát được vợ dẫn đến chị Đ làm ăn thua lỗ, gây nợ nần làm cho vợ chồng không còn hạnh phúc, từ đó không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị Đ bỏ về nhà cha mẹ đẻ sinh sống từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Đ.

Trong quá trình chung sống anh H và chị Đ có hai con chung tên 1/Lương Lê M, sinh năm 2000 (đã trưởng thành); 2/Lương Tiến Đ1, sinh ngày 18/4/2008 hiện đang sống cùng anh H.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay anh Lương Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về Hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị Đ.
- Về con chung: Hiện cháu Lương Lê M đã trưởng thành, phát triển bình thường, không bị dị tật, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Lương Tiến Đ1, sinh ngày 18/4/2008, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Võ Thị Đ không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 125/TB-TLVA ngày 09 tháng 7 năm 2019, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn chị Võ Thị Đ nhưng chị Đ không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn H. Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ hai lần đối với chị Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Đ đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt chị Đ, không tiến hành hòa giải được và chị Đ cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong

thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho anh Lương Văn H ly hôn với chị Võ Thị Đ. Về con chung: Giao con cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lương Văn H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay chị Võ Thị Đ mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh H và chị Đ.

[2] Về nội dung: Anh Lương Văn H yêu cầu Toà án cho ly hôn với chị Võ Thị Đ. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lương Văn H với chị Võ Thị Đ là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 7 năm 2017, thì hai người phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống từ đó không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị Đ bỏ về nhà cha mẹ để sinh sống đến nay, trong giai đoạn hòa giải anh H kiên quyết yêu cầu ly hôn nên xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó anh H yêu cầu được ly hôn với chị Đ là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Lương Lê M, sinh năm 2000, đã trưởng thành, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Còn cháu Lương Tiến Đ1, sinh ngày 18/4/2008 hiện đang sống cùng anh H. Về nguyên tắc việc trông nom, chăm sóc con chung là nghĩa vụ của cha mẹ. Anh H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, xét thấy anh H có đủ điều kiện nuôi con và con có nguyện vọng sống cùng anh H nên yêu cầu này của anh H là có căn cứ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm

nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu nên chị Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do anh H yêu cầu nên anh H phải chịu theo luật định.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Lương Văn H.

- Về hôn nhân: Anh Lương Văn H được quyền ly hôn với chị Võ Thị Đ.

- Về con chung: Giao cháu Lương Tiến Đ1, sinh ngày 18/4/2008 cho anh Lương Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Võ Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp chị Đ lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Đ. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật. Riêng cháu Lương Lê M, sinh năm 2000, đã trưởng thành, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lương Văn H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Lương Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005800 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh S. Như vậy anh H đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã B;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng